



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Mã số thuế: 0312345678, Địa chỉ: 123 Đường Nguyễn Huệ, TP. HCM

ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ CHẤM Duyệt theo Quyết định số 123/QĐ-HH

ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ CHẤM Duyệt theo Quyết định số 123/QĐ-HH

ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ CHẤM Duyệt theo Quyết định số 123/QĐ-HH

ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ CHẤM Duyệt theo Quyết định số 123/QĐ-HH

ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ CHẤM Duyệt theo Quyết định số 123/QĐ-HH

ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ CHẤM Duyệt theo Quyết định số 123/QĐ-HH

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 37

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sinh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368, phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Hoàng Hà,



Lưu Huy Hà

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hưng Yên, ngày 26 tháng 08 năm 2026

11/2
HỘI
TỔNG
KIỂM
TOÁN
UP
4XN

Số: 082602/2026/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được phê duyệt ngày 26 tháng 08 năm 2026, từ trang 6 đến trang 37 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

1712
JG
NH
A TO
JC
JAN

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tới Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 28.767.329.274 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7.353.534.445 đồng). Lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 340.824.523.680 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 336.462.297.878 đồng). Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 đang âm 416.303.642 đồng (6 tháng đầu năm 2025 âm 14.326.844.069 đồng). Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 3384-2025-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2026

3-C
CY
I
ÁN
TÊ
TR

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.764.095.143	3.531.270.120
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		439.627.993	89.884.528
1. Tiền	111	V.1	439.627.993	89.884.528
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.851.923.507	2.617.762.420
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	2.275.714.270	2.004.862.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	490.000.000	490.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.3	86.209.237	122.900.109
III. Hàng tồn kho	140	V.5	172.960.028	198.523.417
1. Hàng tồn kho	141		172.960.028	198.523.417
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		299.583.615	625.099.755
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.9a	5.098.215	199.375.516
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		173.388.464	304.887.925
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13a	121.096.936	120.836.314
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.493.373.451	47.973.834.858
I. Tài sản cố định	220		22.682.575.660	19.199.432.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	22.682.575.660	19.192.619.752
- Nguyên giá	222		116.398.553.149	119.691.674.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.715.977.489)	(100.499.055.057)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	6.812.885
- Nguyên giá	228		40.000.000	163.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(156.187.115)
II. Bất động sản đầu tư	240	V.8	13.337.472.748	21.330.500.719
- Nguyên giá	241		19.144.697.736	34.224.873.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.807.224.988)	(12.894.372.898)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		5.930.359.205	5.930.359.205
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	5.930.359.205	5.930.359.205
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.523.470.691	1.490.252.464
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.11	1.523.470.691	1.490.252.464
V. Tài sản dài hạn khác	270		19.495.147	23.289.833
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.9b	19.495.147	23.289.833
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		47.257.468.594	51.505.104.978

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.913.909.567	32.799.320.149
I. Nợ ngắn hạn	310		32.531.424.417	10.884.804.565
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.840.239.750	5.438.048.363
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	514.250.000	529.282.258
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.15	37.881.050	37.881.050
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13b	210.148.142	139.165.352
5. Phải trả người lao động	315		357.856.239	640.004.000
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	3.617.677	4.881.811
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.17	6.236.563	108.274.194
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18a	991.578.694	900.247.160
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19	24.569.616.302	3.087.020.377
II. Nợ dài hạn	330		382.485.150	21.914.515.584
1. Phải trả dài hạn khác	338	V.18b	57.471.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20	-	21.600.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		325.014.150	314.515.584
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	14.343.559.027	18.705.784.829
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	5.272.435.487
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(340.824.523.680)	(336.462.297.878)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		(336.462.297.878)	(269.014.330.117)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(4.362.225.802)	(67.447.967.761)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		47.257.468.594	51.505.104.978


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập biểu


Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng


Lưu Huy Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.021.428.510	12.037.928.438
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	8.021.428.510	12.037.928.438
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.396.265.887	20.896.288.186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.374.837.377)	(8.858.359.748)
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	588.623.385	524.029.852
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	116.979.727	416.122.628
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		116.979.727	409.178.184
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.935.740.106	4.605.387.624
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.838.933.825)	(13.355.840.148)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	534.998.843	5.035.644
13. Chi phí khác	32	VI.7	47.792.254	43.326.860.294
14. Lợi nhuận khác	40		487.206.589	(43.321.824.650)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.351.727.236)	(56.677.664.798)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		10.498.566	21.404.246
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.362.225.802)	(56.699.069.044)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(4.362.225.802)	(56.699.069.044)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.020)	(1.625)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(1.020)	(1.625)


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập biểu


Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng


Lưu Huy Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4.351.727.236)	(56.677.664.798)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.161.368.740	6.117.446.335
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(568.153.201)	43.164.421.616
Chi phí đi vay	06	116.979.727	409.178.184
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(641.531.970)	(6.986.618.663)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(102.922.248)	7.842.231.596
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	25.563.389	(18.248.582)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	222.759.061	(15.274.647.292)
(Tăng)/Giảm chi phí chờ phân bổ	12	198.071.987	287.185.058
Chi phí đi vay đã trả	14	(118.243.861)	(176.746.186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(416.303.642)	(14.326.844.069)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	883.451.182	61.000.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	165.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	883.451.182	61.000.165.223
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.969.616.302	14.260.594.485
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.087.020.377)	(60.832.897.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(117.404.075)	(46.572.302.637)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	349.743.465	101.018.517
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	89.884.528	117.241.835
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	439.627.993	218.260.352


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập biểu


Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng


Lưu Huy Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 cấp ngày 09 tháng 10 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2026 là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc tại ngày 25/04/2023 theo Thông báo số 1118/TB-SGDHN ngày 27/03/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Hiện tại, cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG trên thị trường này là ngày 09/05/2023.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ vận tải.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368, phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 36 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 191 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 28.767.329.274 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7.353.534.445 đồng). Lũy kế của Công ty đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 340.824.523.680 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 336.462.297.878 đồng). Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 đang âm 416.303.642 đồng (6 tháng đầu năm 2025 âm 14.326.844.069 đồng). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình (nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên) hiện tại đã hoàn thành xong giai đoạn giải phóng mặt bằng. Công ty sẽ tập trung nguồn lực để đầu tư, xây dựng Bến xe khách phía Tây theo tiêu chuẩn bến xe khách loại I. Dự án này hoàn thành sẽ đảm bảo mang lại nguồn thu đáng kể cho Công ty.
- Công ty cũng tìm kiếm thêm nguồn hỗ trợ tài chính với lãi suất ưu đãi từ các cổ đông và Ban lãnh đạo của Công ty.
- Giảm nợ vay các tổ chức tín dụng để giảm chi phí lãi vay phát sinh hàng tháng phải trả.
- Công ty đang tăng cường, điều chỉnh công tác quản lý cho phù hợp như: mở rộng việc khoán doanh thu cho các bộ phận, phòng ban trực tiếp tham gia sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, cải thiện đời sống người lao động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đang tìm kiếm các khoản thu khác như thanh lý với một số xe ô tô cũ, không thích hợp sử dụng. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh lý một số phương tiện vận tải và thu được toàn bộ số tiền là 883.451.182 đồng. Qua đó, có nguồn tài chính để trang trải, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải xe khách, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, dịch vụ.
- Công ty thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý, chi phí gián tiếp,... Ví dụ, Công ty đã xây dựng quy định về sử dụng điện tại cơ quan nhằm hướng dẫn cán bộ công nhân viên có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện. Thường xuyên kiểm tra công tác tiết kiệm điện trong cơ quan.
- Công ty đã chuyển sang áp dụng hình thức khoán đối với xe buýt, xe chạy tuyến. Mặc dù doanh thu mang vận tải có sự sụt giảm đáng kể tuy nhiên, hình thức khoán xe mang lại nguồn lợi nhuận nhất định để Công ty trang trải các chi phí thiết yếu. So với các năm trước, mặc dù doanh thu vận tải cao hơn nhưng hoạt động này cũng lỗ lớn do chi phí phải chi ra lớn hơn nguồn thu mang lại.
-

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 43 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)

Trường hợp giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh giao dịch mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm mệnh giá trừ (-) số tiền lãi nhận trước cho nhiều kỳ [trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhận lãi trước] cộng (+) số phụ trội hoặc trừ (-) chiết khấu.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ theo phương pháp lãi suất thực vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa số tiền lãi cho mỗi kỳ nhận lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của khoản đầu tư nhân (x) với tỷ lệ lãi suất thực) với số tiền lãi danh nghĩa nhận từng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh để hạch toán hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

123
3 T
HH
TOA
C T
N-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe; công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ này Số năm	Kỳ trước Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	04 - 25	04 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 15	05 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 10	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm chuyển phát nhanh.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Phần mềm chuyển phát nhanh	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 05 năm đến 25 năm cho nhà cửa vật kiến trúc.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính (nếu có) được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về thuế tối thiểu toàn cầu.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	427.979.396	68.273.783
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	11.648.597	21.610.745
Cộng	439.627.993	89.884.528

(i) Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	7.687.918	2.303.465
Ngân hàng khác	3.960.679	19.307.280
Cộng	11.648.597	21.610.745

2. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hà Nội	490.000.000	490.000.000
Cộng	490.000.000	490.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu khác	86.209.237	-	122.900.109	-
Cộng	86.209.237	-	122.900.109	-

4. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới	2.204.752.699	-	1.900.140.385	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận Jupiter Việt Nam tại Hà Nội	58.478.000	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.483.571	-	104.721.926	-
Cộng	2.275.714.270	-	2.004.862.311	-
	-	-	71.123.960	-

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.2)

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	172.960.028	-	198.523.417	-
Cộng	172.960.028	-	198.523.417	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	17.351.178.365	1.457.876.860	87.512.159.584	13.370.460.000	119.691.674.809
Phân loại từ Bất động sản đầu tư	15.080.175.881	-	-	-	15.080.175.881
Thanh lý, nhượng bán	-	(182.890.000)	(17.407.987.124)	-	(17.590.877.124)
Giảm khác	(722.835.417)	(59.585.000)	-	-	(782.420.417)
Số dư cuối kỳ	31.708.518.829	1.215.401.860	70.104.172.460	13.370.460.000	116.398.553.149
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	7.981.719.308	1.451.984.602	82.448.339.663	8.617.011.484	100.499.055.057
Khấu hao trong kỳ	688.795.143	2.466.693	2.434.218.211	562.776.000	3.688.256.047
Phân loại từ Bất động sản đầu tư	7.554.393.935	-	-	-	7.554.393.935
Thanh lý, nhượng bán	-	(182.890.000)	(17.063.842.698)	-	(17.246.732.698)
Giảm khác	(722.835.417)	(56.159.435)	-	-	(778.994.852)
Số dư cuối kỳ	15.502.072.969	1.215.401.860	67.818.715.176	9.179.787.484	93.715.977.489
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	9.369.459.057	5.892.258	5.063.819.921	4.753.448.516	19.192.619.752
Tại ngày cuối kỳ	16.206.445.860	-	2.285.457.284	4.190.672.516	22.682.575.660

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 với giá trị là 40.792.131.509 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 40.083.395.056 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 15.740.951.076 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 9.981.905.096 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu kỳ	163.000.000	163.000.000
Giảm khác	(123.000.000)	(123.000.000)
Tại ngày cuối kỳ	40.000.000	40.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu kỳ	156.187.115	156.187.115
Khấu hao trong kỳ	5.866.668	5.866.668
Giảm khác	(122.053.783)	(122.053.783)
Tại ngày cuối kỳ	40.000.000	40.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	6.812.885	6.812.885
Tại ngày cuối kỳ	-	-

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 với giá trị là 40.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75.000.000 đồng).

8. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu kỳ	34.224.873.617	34.224.873.617
Phân loại sang Tài sản cố định hữu hình	(15.080.175.881)	(15.080.175.881)
Tại ngày cuối kỳ	19.144.697.736	19.144.697.736
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu kỳ	12.894.372.898	12.894.372.898
Khấu hao trong kỳ	467.246.025	467.246.025
Phân loại sang Tài sản cố định hữu hình	(7.554.393.935)	(7.554.393.935)
Tại ngày cuối kỳ	5.807.224.988	5.807.224.988
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	21.330.500.719	21.330.500.719
Tại ngày cuối kỳ	13.337.472.748	13.337.472.748

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 13.337.472.748 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 21.330.500.719 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe, vé cầu đường	2.760.584	197.741.108
Chi phí chờ phân bổ khác	2.337.631	1.634.408
Cộng	5.098.215	199.375.516
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.958.953	16.220.794
Chi phí chờ phân bổ khác	10.536.194	7.069.039
Cộng	19.495.147	23.289.833

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Bến xe phía Tây Thái Bình (*)	5.930.359.205	5.930.359.205
Cộng	5.930.359.205	5.930.359.205

- (*) Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình (nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên) được thực hiện theo Hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất số 01/HĐ-SDD ngày 22 tháng 04 năm 2022 (thay thế cho Hợp đồng số 03/HĐ-BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018) ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình (nay là Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên) và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và thi công xây dựng công trình là 18 tháng kể từ ngày bàn giao toàn bộ mặt bằng dự án cho nhà đầu tư. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đã hoàn thiện xong quá trình giải phóng mặt bằng.

Về mặt tiến độ thực hiện, theo Công văn số 3505/STNMT-QLĐĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên), khu đất quy hoạch dự án đầu tư xây dựng bến xe khách phía Tây tiếp giáp với đường gom tuyến tránh S1 và đường quy hoạch số 2. Hiện tại, đường gom tuyến S1 chưa đầu tư xây dựng; đường quy hoạch số 2 UBND tỉnh đã có quyết định giao đất để xây dựng đường nhưng đến nay chưa hoàn thành. Như vậy, khu đất thực hiện dự án chưa có đường vào nên dự án chưa thể tiếp tục thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	1.523.470.691	1.523.470.691	-	1.490.252.464
Trong đó:				
Tiền gốc	1.488.600.729	1.488.600.729	-	1.488.600.729
Tiền lãi	34.869.962	34.869.962	-	1.651.735
Cộng	1.523.470.691	1.523.470.691	-	1.490.252.464

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình với gốc ban đầu là 1.190.000.000 đồng (lãi nhập gốc 298.600.729 đồng). Lãi suất là 4,5%/năm. Khoản tiền gửi này được đảm bảo cho việc xây dựng dự án Bến xe khách phía Tây Thái Bình.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ông Vũ Ngọc Báu	5.004.499.600	5.004.499.600
Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới	356.501.616	-
Công ty Điện lực Hưng Yên - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	130.430.736	83.106.000
Các nhà cung cấp khác	348.807.798	350.442.763
Cộng	5.840.239.750	5.438.048.363
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.2)	-	16.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu ngắn hạn				
Thuế giá trị gia tăng	114.539.079	-	-	114.539.079
Thuế môn bài	5.000.000	-	-	5.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải thu khác	1.557.857	468.370	728.992	1.297.235
Cộng	121.096.936	468.370	728.992	120.836.314
b. Các khoản phải nộp ngắn hạn				
Thuế giá trị gia tăng	-	511.685.796	512.076.908	391.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.774.240	-	-	138.774.240
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	71.373.902	71.373.902	-	-
Cộng	210.148.142	583.059.698	512.076.908	139.165.352

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mediamart Việt Nam	514.250.000	514.250.000
Chi nhánh Công trình Viettel Thái Bình - Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	-	15.032.258
Cộng	514.250.000	529.282.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

15. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bà Nguyễn Thị Hương	29.978.000	29.978.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận khác	7.903.050	7.903.050
Cộng	37.881.050	37.881.050

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí lãi vay	3.617.677	4.881.811
Cộng	3.617.677	4.881.811

17. DOANH THU CHỜ PHÂN BỐ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nhận trước tiền thuê mặt bằng, thuê quảng cáo trên thân xe bus	6.236.563	108.274.194
Cộng	6.236.563	108.274.194

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	96.510.160	96.510.160
Bảo hiểm xã hội	35.418.074	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.384.460	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	42.471.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	518.000.000	422.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	339.266.000	339.266.000
Cộng	991.578.694	900.247.160
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	57.471.000	-
Cộng	57.471.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	2.469.616.302	2.469.616.302	2.469.616.302	3.087.020.377	3.087.020.377	3.087.020.377
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	2.469.616.302	2.469.616.302	2.469.616.302	3.087.020.377	3.087.020.377	3.087.020.377
Cộng	2.469.616.302	2.469.616.302	2.469.616.302	3.087.020.377	3.087.020.377	3.087.020.377
Nợ dài hạn đến hạn trả	22.100.000.000	22.100.000.000			-	-
(Chi tiết trình bày ở phần V.20 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn)						
Cộng các khoản nợ ngắn hạn	24.569.616.302	24.569.616.302			3.087.020.377	3.087.020.377
Trong đó: Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn là các bên liên quan	22.100.000.000	22.100.000.000			-	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.2)						

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/416446/HĐTD ngày 25 tháng 11 năm 2025. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 4.000.000.000 đồng trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức/Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/416446/HĐTD ngày 28/11/2024 sang. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2026. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng từng khoản vay là các hợp đồng thế chấp cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn cá nhân, tổ chức						
Ông Lưu Huy Hà (i)	22.100.000.000	22.100.000.000	500.000.000	-	21.600.000.000	21.600.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan (ii)	13.000.000.000	13.000.000.000	500.000.000	-	12.500.000.000	12.500.000.000
	9.100.000.000	9.100.000.000	-	-	9.100.000.000	9.100.000.000
Cộng	22.100.000.000	22.100.000.000	500.000.000	-	21.600.000.000	21.600.000.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	22.100.000.000	22.100.000.000			-	-
Ông Lưu Huy Hà	13.000.000.000	13.000.000.000			-	-
Ông Nguyễn Hữu Hoan	9.100.000.000	9.100.000.000			-	-
Cộng các khoản nợ dài hạn	-	-			21.600.000.000	21.600.000.000
Trong đó: Vay và nợ thuế tài chính dài hạn là các bên liên quan	-	-			21.600.000.000	21.600.000.000
(Chỉ tiết tại Thuyết minh số VIII.2)						

- (i) Khoản vay dài hạn ông Lưu Huy Hà theo hợp đồng vay tiền số 005HH/2023 ngày 01 tháng 07 năm 2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục hợp đồng số 002/PLHD2025 điều chỉnh gia hạn khoản vay đến ngày 03 tháng 04 năm 2027.
- (ii) Khoản vay dài hạn ông Nguyễn Hữu Hoan theo hợp đồng vay tiền số 004HH/2023 ngày 04 tháng 04 năm 2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục hợp đồng số 001/PLHD2025 điều chỉnh gia hạn khoản vay đến ngày 03 tháng 04 năm 2027.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.100.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	21.600.000.000
Cộng	22.100.000.000	21.600.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	22.100.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	-	21.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản (cho thuê).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động cho thuê VND	Tổng cộng VND
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.625.731.250	3.121.106.295	274.590.965	8.021.428.510
Tổng doanh thu	4.625.731.250	3.121.106.295	274.590.965	8.021.428.510
Chi phí phân bổ	6.080.767.988	7.123.328.399	127.909.606	13.332.005.993
- Giá vốn hàng bán	4.387.809.591	5.981.043.466	27.412.830	10.396.265.887
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.692.958.397	1.142.284.933	100.496.776	2.935.740.106
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.455.036.738)	(4.002.222.104)	146.681.359	(5.310.577.483)
Doanh thu hoạt động tài chính				588.623.385
Chi phí tài chính				116.979.727
Lợi nhuận (lỗ) khác				487.206.589
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(4.351.727.236)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	5.200.000	-	5.200.000
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.406.252.998	1.623.564.140	142.839.110	4.172.656.248
Số dư tại ngày 30/06/2026				
Tài sản bộ phận	-	44.993.226.324	2.264.242.270	47.257.468.594
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	-	44.993.226.324	2.264.242.270	47.257.468.594
Nợ phải trả bộ phận	-	-	514.250.000	514.250.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	32.399.659.567
Tổng nợ phải trả				32.913.909.567

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động cho thuê VND	Tổng cộng VND
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.103.760.042	9.962.494.886	971.673.510	12.037.928.438
Tổng doanh thu	1.103.760.042	9.962.494.886	971.673.510	12.037.928.438
Chi phí phân bổ	1.471.870.719	23.154.379.875	875.425.216	25.501.675.810
- Giá vốn hàng bán	1.049.601.816	19.342.997.303	503.689.067	20.896.288.186
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	422.268.903	3.811.382.572	371.736.149	4.605.387.624
Kết quả kinh doanh bộ phận	(368.110.677)	(13.191.884.989)	96.248.294	(13.463.747.372)
Doanh thu hoạt động tài chính				524.029.852
Chi phí tài chính				416.122.628
Lợi nhuận (lỗ) khác				(43.321.824.650)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(56.677.664.798)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	174.287.773	-	174.287.773
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	573.914.475	5.180.129.562	505.234.355	6.259.278.392
Số dư tại ngày 30/06/2025				
Tài sản bộ phận	268.700.000	55.663.329.763	1.591.072.623	57.523.102.386
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	268.700.000	55.663.329.763	1.591.072.623	57.523.102.386
Nợ phải trả bộ phận	-	28.068.418.840	-	28.068.418.840
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	28.068.418.840	-	28.068.418.840

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Hưng Yên. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.021.428.510	12.037.928.438
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.121.106.295	9.962.494.886
- Doanh thu bán hàng hóa	4.625.731.250	1.103.760.042
- Doanh thu cho thuê	274.590.965	971.673.510
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.021.428.510	12.037.928.438
Doanh thu với các bên liên quan	-	14.545.455
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.2)</i>		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.981.043.466	19.342.997.303
Giá vốn hàng hóa đã bán	4.387.809.591	1.049.601.816
Giá vốn dịch vụ cho thuê	27.412.830	503.689.067
Cộng	10.396.265.887	20.896.288.186

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.256.719	29.329.852
Doanh thu hoạt động tài chính khác	555.366.666	494.700.000
Cộng	588.623.385	524.029.852

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	116.979.727	409.178.184
Chi phí tài chính khác	-	6.944.444
Cộng	116.979.727	416.122.628

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.387.596.631	2.124.922.777
Chi phí phân bổ	13.958.085	27.967.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	568.642.668	934.867.867
Thuế, phí, lệ phí	71.373.902	218.890.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	870.668.299	1.242.342.293
Chi phí khác bằng tiền	23.500.521	56.397.375
Cộng	2.935.740.106	4.605.387.624

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	534.934.974	-
Thu nhập khác	63.869	5.035.644
Cộng	534.998.843	5.035.644

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	43.193.751.468
Các khoản phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	1.859.862	4.454.912
Chi phí khác	38.934.392	128.653.914
Cộng	40.794.254	43.326.860.294

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Hoàng Hà		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.351.727.236)	(56.677.664.798)
Trong đó:		
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh thông thường	(4.351.727.236)	(13.483.913.330)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	131.517.053	521.209.818
- Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính	1.859.862	4.612.816
- Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	83.724.799	403.670.170
- Chi phí không được trừ khác	45.932.392	112.926.832
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.220.210.183)	(12.962.703.512)
Thuế suất thuế TNDN	17%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	(43.193.751.468)
Cộng: Chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(43.193.751.468)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

MÃ SỐ B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<u>Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây</u>		
<u>Thái Bình</u>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(52.492.831)	(107.021.232)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	20.906
Cộng: Chi phí không được trừ	-	20.906
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(52.492.831)	(107.000.326)
Thuế suất thuế TNDN	17%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	(4.362.225.802)	(56.699.069.044)
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.362.225.802)	(56.699.069.044)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (*)	4.274.990	34.896.354
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.020)	(1.625)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.020)	(1.625)
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

(*) Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	868.935.652	6.965.758.912
Chi phí nhân công	2.075.130.956	7.049.992.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.161.368.740	6.117.446.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.743.886.631	3.998.651.559
Chi phí khác bằng tiền	94.874.423	320.224.594
Cộng	8.944.196.402	24.452.073.994

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	2.969.616.302 đồng
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	2.969.616.302 đồng
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	3.087.020.377 đồng
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	3.087.020.377 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đã thực hiện ký kết các hợp đồng thuê đất, nộp tiền hàng năm với UBND tỉnh Thái Bình (nay là UBND tỉnh Hưng Yên) như sau:

Hợp đồng thuê đất số 80HD/TĐ ngày 30 tháng 12 năm 2005 thuê đất tại phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình (nay là phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên) với mục đích xây dựng rãnh thoát nước kết hợp làm cống phụ. Thời gian thuê đất từ ngày 23 tháng 09 năm 2005 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 492,1 m².

Hợp đồng thuê đất số 37HD/TĐ ngày 28 tháng 04 năm 2005 thuê đất tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình (nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên) với mục đích xây dựng xưởng sửa chữa - bảo dưỡng xe ô tô, nhà rửa xe liên hoàn, nhà để xe nội bộ, trạm cấp phát xăng dầu nội bộ, kho chứa hàng và phụ tùng. Thời gian thuê đất từ ngày 18 tháng 04 năm 2005 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 10.000 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT và cổ đông lớn của Thái Bình Xanh
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông Lưu Huy Hà là đại diện pháp luật của Hoàng Tân
Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
Các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt.	

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	14.545.455
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	-	14.545.455
Mua hàng	-	111.230.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	-	111.230.000
Đi vay	500.000.000	10.400.000.000
Ông Lưu Huy Hà	500.000.000	2.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	-	8.400.000.000
Trả gốc vay	-	6.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	-	6.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	71.123.960
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	-	71.123.960
Phải trả người bán ngắn hạn	-	16.400.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	-	16.400.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22.100.000.000	-
Ông Lưu Huy Hà	13.000.000.000	
Ông Nguyễn Hữu Hoan	9.100.000.000	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	21.600.000.000
Ông Lưu Huy Hà	-	12.500.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	-	9.100.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị	102.000.000	120.822.000
Ông Lưu Huy Hà	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	18.000.000	18.000.000
Ông Đinh Văn Thọ	12.000.000	12.000.000
Ông Lưu Tuấn Anh	12.000.000	18.822.000
Ông Lưu Minh Sơn (miễn nhiệm ngày 25/07/2025)	-	12.000.000
Ban Tổng Giám đốc	30.939.000	142.206.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	25.863.000	71.779.000
Ông Lê Văn Sinh	5.076.000	70.427.000
Ban Kiểm soát	87.311.000	159.304.000
Bà Nguyễn Thu Hương	33.186.000	53.711.000
Bà Bùi Thị Tâm	48.125.000	64.534.000
Ông Vũ Doãn Quân	6.000.000	41.059.000
Cộng	220.250.000	422.332.000

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2026 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cùng các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét và được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2026 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, do năm 2026 Công ty thay đổi áp dụng chế độ kế toán từ Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 sang Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2026:

CHỈ TIÊU	Mã số	Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (VND)	Theo Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 (VND)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3.532.921.855	3.531.270.120
Phải thu ngắn hạn khác	136	124.551.844	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	-	122.900.109
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	199.375.516	-
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	-	199.375.516
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	47.972.183.123	47.973.834.858
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	1.488.600.729	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	1.490.252.464
Chi phí trả trước dài hạn	261	23.289.833	-
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	-	23.289.833
NỢ PHẢI TRẢ	300	32.799.320.149	32.799.320.149
Phải trả ngắn hạn khác	319	938.128.210	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	-	900.247.160
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	37.881.050

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368, phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025:

CHỈ TIÊU	Mã số	Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (VND)	Theo Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 (VND)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Chi phí lãi vay	06	409.178.184	-
Chi phí đi vay	06	-	409.178.184
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	287.185.058	-
(Tăng)/Giảm chi phí chờ phân bổ	12	-	287.185.058
Tiền lãi vay đã trả	14	(176.746.186)	-
Chi phí đi vay đã trả	14	-	(176.746.186)


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập biểu


Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng




Lưu Huy Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026